

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 22**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số 2957/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 và Văn bản số 3075/UBND-KTTC ngày 26 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Báo cáo thẩm tra số 150/BC-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động chăn nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật chăn nuôi năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm các địa bàn được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các khu chung cư, nhà ở xã hội, khu tái định cư tập trung và khu đô thị nằm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ di dời theo Điều 7 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ hiện hành.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật chăn nuôi, của Nghị quyết trong việc quy định các khu vực không được phép chăn nuôi; xây dựng kế hoạch di dời; khẩn trương quy hoạch quỹ đất và đầu tư cơ sở hạ tầng cho chăn nuôi tập trung phục vụ cho việc di dời và thực hiện các chính sách hỗ trợ di dời đảm bảo kịp thời, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng khi thực hiện chính sách. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đánh giá sự ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi tại các khu vực chưa quy định không được phép chăn nuôi để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn khi cần thiết. Chủ động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ7.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

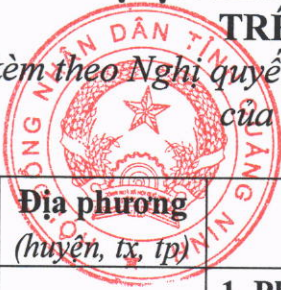


**Vi Ngọc Bích**



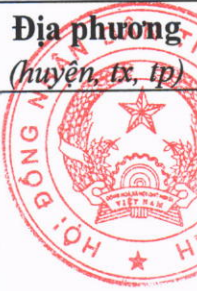
**Phụ lục: KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

(kèm theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 11 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



STT	Địa phương (huyện, tx, tp)	Khu vực không được phép chăn nuôi
I	<b>Đông Triều</b> (16/166 thôn, khu)	<p><b>1. Phường Đông Triều:</b> Khu 1; khu 2; khu 3; khu 4.</p> <p><b>2. Phường Mạo Khê:</b> Khu Vĩnh Xuân (Tổ 2A); Khu Vĩnh Phú (Tổ 6A); Khu Vĩnh Tuy 1 (Tổ 5); Khu Hoàng Hoa Thám (Tổ 3); Khu Vĩnh Trung (Tổ 1); Khu Vĩnh Thông (Tổ 3).</p> <p><b>3. Phường Đức Chính:</b> Khu Yên Lâm 3; khu Yên Lâm 4; Khu 6; Khu Yên Lâm 1 (Tổ 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9); Khu Yên Lâm 2 (Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8); Khu Trạo Hà (Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 7).</p>
II	<b>Uông Bí</b> (23/99 thôn, khu)	<p><b>1. Phường Yên Thanh:</b> Khu 1; Khu Phú Thanh Đông (Khu Đô thị Công Thành); Khu Phú Thanh Tây (Độc Quốc lộ 18, phía Bắc giáp khu Đô thị Hoa Nhân; Phía Tây giáp Sông Sên);</p> <p><b>2. Phường Quang Trung:</b> Khu 2; Khu 3; Khu 5B; Khu 7; Khu 8; Khu 9 và Khu 12;</p> <p><b>3. Phường Thanh Sơn:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 5; Khu 6; Khu 11.</p> <p><b>4. Phường Trung Vương:</b> Khu 1; Khu 2, Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu 6; Khu 7.</p>
III	<b>Quảng Yên</b> (22/197 thôn, khu)	<p><b>1. Phường Cộng Hòa:</b> Khu Kim Lãng (phía Đông giáp khu Đường Ngang, phía tây giáp vòng xuyên Kim Lãng thuộc tỉnh lộ 331 đường Lê Thánh Tông đi phường Quảng Yên).</p> <p><b>2. Phường Quảng Yên:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu 9.</p> <p><b>3. Phường Yên Giang:</b> Khu 4: + Khu vực 1: Mặt đường tuyến Trần Hưng Đạo từ thửa số 129, tờ bản đồ số 25 đến thửa đất số 70, tờ bản đồ số 31 (từ số nhà 123 đến cuối tuyến đường Trần Hưng Đạo); + Khu vực 2: Mặt đường Trần Nhân Tông, từ thửa số 170, tờ bản đồ số 32 đến thửa số 92, tờ bản đồ số 31 (từ số nhà 62 đến số nhà 150 đường Trần Nhân Tông); + Khu vực 3: Mặt đường Vua Bà: Phải tuyến từ thửa số 11, tờ bản đồ số 32 đến thửa số 115, tờ bản đồ số 32; trái tuyến: từ thửa số 48, tờ bản đồ số 32 đến thửa số 103, tờ bản đồ số 32 (từ số nhà 02 đường Vua Bà đến số nhà 34 đường Vua Bà).</p> <p><b>4. Phường Minh Thành:</b> - Khu Đường Ngang: Tuyến đường quốc lộ 18: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa số 72 tờ bản đồ số 82 đến thửa số 80 tờ bản đồ số 70 (từ số nhà 18 đến số nhà 63); - Khu Tân Thành: Tuyến đường Mạc Đăng Dung: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 39 tờ bản đồ số 81 đến thửa đất số 20 tờ bản đồ số 82 (từ số nhà 591 đến số nhà 627);</p>



STT	Địa phương (huyện, tx, tp)	Khu vực không được phép chăn nuôi
		<p>- Khu Cây số 11: Tuyến đường Yên Hưng: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 58 tờ bản đồ số 93 đến thửa 01 tờ bản đồ số 94 (từ số nhà 904 đến số nhà 930);</p> <p>- Khu Lâm Sinh 1: Tuyến đường Vạn Triều: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 52 tờ bản đồ số 57 đến thửa đất số 114 tờ bản đồ số 70 (từ số nhà 29 đến số nhà 75).</p> <p><b>5. Phường Đông Mai:</b></p> <p>- Khu phố Thuận Thành: Đường Mạc Đăng Dung: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 20 đến 40 và thửa số 43 đến thửa số 48 tờ bản đồ số 54; thửa đất số 6 đến thửa số 50 và thửa số 52 đến thửa số 87 tờ bản đồ số 53 (từ số nhà 59 đến số nhà 111);</p> <p>- Khu phố Tân Mai: Tuyến đường Mạc Đăng Dung: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 01 đến thửa đất số 26 và thửa số 19 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 75; thửa đất số 4 đến thửa số 12 và thửa số 14 đến thửa số 26 tờ bản đồ số 76; thửa số 6 đến thửa số 30 tờ bản đồ số 85; thửa số 02 đến thửa số 41 tờ bản đồ số 86; thửa số 17 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 88 (từ số nhà 207 đến số nhà 529);</p> <p>- Khu phố Biểu Nghi: Tuyến đường Mạc Đăng Dung: Từ thửa đất số 50 đến thửa số 57 tờ bản đồ số 86 (từ số nhà 268 đến 292); tuyến đường Nghi Tân: Từ thửa đất số 28 đến thửa 57 tờ bản đồ số 87; thửa đất 05 đến thửa 15 và thửa đất 31 đến thửa số 80 tờ bản đồ số 96 (từ số nhà 02 đến số nhà 90);</p> <p>- Khu phố Biểu Nghi 2: Tuyến đường Biểu Nghi: Các thửa đất bám mặt trục đường từ thửa đất số 12 đến thửa 62 tờ bản đồ số 118 (từ số nhà 76 đến số nhà 128).</p> <p><b>6. Phường Hà An:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 5.</p>
IV	Hạ Long (66/245 thôn, khu)	<p><b>1. Phường Bạch Đằng:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu 5B; Khu 6.</p> <p><b>2. Phường Hồng Gai:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4.</p> <p><b>3. Phường Yết Kiêu:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu 6.</p> <p><b>4. Phường Hùng Thắng:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4A; Khu 4B.</p> <p><b>5. Phường Hà Phong:</b> Khu 8.</p> <p><b>6. Phường Hồng Hà:</b> Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 8; Khu 9.</p> <p><b>7. Phường Hồng Hải:</b> Khu 1A; Khu 1B; Khu 2A; Khu 2B; Khu 4A; Khu 4B; Khu 4C; Khu 4D; Khu 6A; Khu 6B; Khu 6C; Khu 8; Khu 10.</p> <p><b>8. Phường Cao Thắng:</b> Khu 1A; Khu 1B; Khu 2A; Khu 6.</p> <p><b>9. Phường Trần Hưng Đạo:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 5.</p> <p><b>10. Phường Cao Xanh:</b> Khu 1; Khu 2A; Khu 2B; Khu 4A; Khu 7; Khu 8.</p> <p><b>11. Phường Bãi Cháy:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 5A; Khu 5B; Khu 6; Khu 9A; Khu 9B.</p> <p><b>12. Phường Giếng Đáy:</b> Khu 4; Khu 6.</p>



STT	Địa phương (huyện, thị, ấp)	Khu vực không được phép chăn nuôi
		<b>13. Phường Tuần Châu:</b> Khu vực Khu Du lịch Quốc tế Tuần Châu.
V	<b>Cẩm Phả</b> (127/178 thôn, khu)	<p><b>1. Phường Cẩm Thạch:</b> Khu Hoàng Thạch; khu Hồng Thạch A; khu Hồng Thạch B; khu Sơn Thạch; khu Long Thạch A; khu Long Thạch B; khu Trần Hưng Đạo; khu Nam Thạch A; khu Nam Thạch B; khu Bạch Đằng.</p> <p><b>2. Phường Cẩm Thủy:</b> Khu Đập Nước 1; Khu Đập Nước 2; Khu Hai Giếng 1; Khu Hai Giếng 2; Khu Tân Lập 1; Khu Tân Lập 2; Khu Tân Lập 3; Khu Tân Lập 4; Khu Tân Lập 5; Khu Tân Lập 6; Khu Tân Lập 7; Khu Tân Lập 8.</p> <p><b>3. Phường Cẩm Trung:</b> Khu 1A; Khu 1B; Khu 2A; Khu 2B; Khu 3A; Khu 3B; Khu 3C; Khu 4A; Khu 4B; Khu 4C; Khu 5A; Khu 5B; Khu 6A; Khu 6B; Khu 6C.</p> <p><b>4. Phường Cẩm Bình:</b> Khu Diêm Thủy; Khu Minh Tiến A; Khu Minh Tiến B; Khu Hòa Lạc; Khu Bình Minh; Khu Minh Hòa; Khu Hòn Một; Khu Nam Tiến.</p> <p><b>5. Phường Cẩm Thành:</b> Khu 1; Khu 2A; Khu 2B; Khu 3; Khu 4A; Khu 4B; Khu 5; Khu 6; Khu 7; Khu 8.</p> <p><b>6. Phường Cẩm Đông:</b> Khu Lán Ga; Khu Ngô Quyền, Khu Đông Hải 1; Khu Đông Hải 2; Khu Đông Tiến 1; Khu Đông Tiến 2; Khu Hải Sơn 1; Khu Hải Sơn 2; Khu Diêm Thủy.</p> <p><b>7. Phường Cẩm Sơn:</b> Khu Bắc Sơn 1; Khu Bắc Sơn 2; Khu Tây Sơn 1; Khu Tây Sơn 2; Khu Trung Sơn 1; Khu Trung Sơn 2; Khu Bình Sơn; Khu An Sơn; Khu Đông Sơn; Khu Nam Sơn 1; Khu Nam Sơn 2; Khu Cao Sơn 1, Khu Cao Sơn 2, Khu Cao Sơn 3, Khu Thủy Sơn.</p> <p><b>8. Phường Cẩm Thịnh:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4A; Khu 4B; Khu 5a; Khu 5B; Khu 6A; Khu 6B; Khu 7A; Khu 7B.</p> <p><b>9. Phường Cẩm Tây:</b> Khu Lao Động; Khu Hòa Bình; Khu Minh Khai; Khu Phan Đình Phùng; Khu Lê Hồng Phong.</p> <p><b>10. Phường Cẩm Phú:</b> Khu 1A; Khu 2A; Khu 2B; Khu 3; Khu 4; Khu 6A; Khu 6B; Khu 7B; Khu 8B.</p> <p><b>11. Phường Cửa Ông:</b> Khu 4A1; Khu 4A2; Khu 4B1; Khu 4B2; Khu 5A; Khu 5B; Khu 6; Khu 7; Khu 8; Khu 9A; Khu 9B; Khu 10A; Khu 10B.</p> <p><b>12. Phường Mông Dương:</b> Khu 2; Khu 3; Khu 4.</p> <p><b>13. Phường Quang Hanh:</b> Khu 7B; Khu 8A; Khu 8B; Khu 9A; Khu 9B; Khu 10A; Khu 10B.</p>
VI	<b>Vân Đồn</b> (03/75 thôn, khu)	<b>Thị trấn Cái Rồng:</b> Khu 3; Khu 8; Khu 9.
VII	<b>Tiên Yên</b> (05/76 thôn, khu)	<b>Thị trấn Tiên Yên:</b> Khu phố Thống Nhất; Khu phố Hòa Bình (trừ tổ 1A); Khu phố Đông Tiến 1; Khu phố Tam Thịnh (trừ tổ 8); Khu phố Lý Thường Kiệt (trừ tổ 6).



STT	Địa phương (huyện, tx, tp)	Khu vực không được phép chăn nuôi
VIII	<b>Bình Liêu</b> (06/86 thôn, khu)	<b>Thị trấn Bình Liêu:</b> Khu Bình Quân; Khu Bình An; Khu Bình Quyền; Khu Bình Đăng; Khu Bình Công I; Khu Bình Công II.
IX	<b>Đầm Hà</b> (10/70 thôn, khu)	<b>Thị trấn Đầm Hà:</b> Khu phố Lê Lương; Khu phố Lê Hồng Phong; Khu phố Minh Khai; Khu phố Hoàng Ngân; Khu phố Bắc Sơn; Khu phố Lý A Coong; Khu phố Hoàng Văn Thụ; Khu phố Trần Phú; Khu phố Chu Văn An; Khu phố Hà Quang Vóc.
X	<b>Hải Hà</b> (12/112 thôn, khu)	<b>Thị trấn Hải Hà:</b> Khu My Sơn; Khu Hoàng Hoa Thám; Khu Chu Văn An; Khu Trần Khánh Dư; Khu Ngô Quyền; Khu Trần Bình Trọng; Khu Phan Đình Phùng; Khu Nguyễn Du; Khu Lý Thường Kiệt; Khu Trần Hưng Đạo; Khu Phú Hải; Khu Trần Quốc Toàn.
XI	<b>Móng Cái</b> (19/100 thôn, khu)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Phường Hòa Lạc:</b> Khu 1; Khu 2; Khu Hòa Bình; Khu Thọ Xuân.</li> <li>2. <b>Phường Ka Long:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu 6.</li> <li>3. <b>Phường Trần Phú:</b> Khu 1; Khu 2; Khu 3.</li> <li>4. <b>Phường Trà Cổ:</b> Khu Nam Thọ (toàn bộ khu vực đất phía Nam dọc trục đường Lạc Long Quân ra biển; từ đường nhánh số 1 rẽ ra biển đến đường nhánh số 2); Khu Đông Thịnh (toàn bộ khu vực đất phía Nam dọc trục đường Lạc Long Quân ra biển; từ đường nhánh số 4 rẽ ra biển đến đường nhánh số 2); Khu Tràng Lộ (toàn bộ khu vực đất phía Nam dọc trục đường Lạc Long Quân ra biển; từ đường nhánh số 4 rẽ ra biển đến đường nhánh số 7); Khu Tràng Vỹ (toàn bộ khu vực đất phía Nam dọc trục đường Lạc Long Quân ra biển; từ đường nhánh số 7 rẽ ra biển đến hết mũi Sa Vĩ).</li> <li>5. <b>Phường Ninh Dương:</b> Khu Hồng Hà.</li> <li>6. <b>Phường Hải Yên:</b> Khu 7 (bao gồm: Khu dân cư dọc tuyến biên giới sông Ka Long; khu đô thị km3 - 4; khu dân cư Bắc Quốc lộ 18A; khu quy hoạch tái định cư Tây Ka Long; khu đô thị mới Hải Yên; khu dân cư đô thị kiểu mới tại km 5).</li> </ol>
XII	<b>Cô Tô</b> (02/13 thôn, khu)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Thị trấn Cô Tô:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu 3: Toàn bộ diện tích: Khu dân cư phía Nam đường Ký Con; khu dân cư 2 bên đường thuộc phố Lê Quý Đôn; khu dân cư 2 bên đường thuộc phố Nguyễn Trãi (từ khách sạn Thái Hà đến ngõ 79 và ngõ 88); khu dân cư phía Đông Phố Lý Thường Kiệt (từ khách sạn Thái Hà đến ngõ 79); diện tích công cộng và trụ sở các cơ quan, đơn vị nằm trong ranh giới các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12.</li> <li>- Khu 4: Toàn bộ diện tích khu dân cư phía Đông phố Lý Thường Kiệt (từ Trụ sở Ban Quản lý Dịch vụ công ích đến ngõ 79); khu dân cư 2 bên đường thuộc phố Nguyễn Trãi (từ khách sạn Thành Đạt đến ngõ 79 và ngõ 88); khu dân cư ngõ 88; khu dân cư phía Tây đường 23/3; đất công cộng và trụ sở các cơ quan, đơn vị nằm trong ranh giới các điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.</li> </ul> </li> </ol>

STT	Địa phương (huyện, tx, tp)	Khu vực không được phép chăn nuôi
XIII	<b>Ba Chẽ</b> (03/66 thôn, khu)	<b>Thị trấn Ba Chẽ: Khu 1; Khu 2; Khu 3.</b>



76